

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/ 2017/TLST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hàng Phượng Mỹ T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Tạ Văn X, sinh năm 1979, bà Võ Thị Y, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đồng bị đơn ông Tạ Văn X và bà Võ Thị Y thừa nhận còn nợ của nguyên đơn là bà Hàng Phượng Mỹ T số tiền gốc 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng) và đồng ý hỗ trợ số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) đóng lãi ngân hàng trong 03 năm, tương ứng với mỗi năm là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), như vậy, tổng cộng số tiền mà ông X, bà Y phải thanh toán cho bà T là 415.000.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu đồng) Ông X, bà Y đồng ý thanh toán toàn bộ số nợ trên và số tiền hỗ trợ bà T để đóng lãi ngân hàng cụ thể như sau:

- Ngày 24/7/2017 ông X, bà Y thanh toán cho bà T 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 17/01/2018 ông X, bà Y thanh toán cho bà T 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 13/7/2018 ông X, bà Y thanh toán cho bà T 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 08/01/2019 ông X, bà Y thanh toán cho bà T 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 05/7/2019 ông X, bà Y thanh toán cho bà T 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 27/12/2019 ông X, bà Y thanh toán cho bà T 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 21/7/2020 ông X, bà Y thanh toán cho bà T 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

(Nếu ngày thi hành trùng vào ngày nghỉ thì ngày thi hành sẽ tính vào ngày làm việc kế tiếp).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo khoản 02 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2.2. Về án phí dân sự hòa giải thành là 10.300.000đ (Mười triệu ba trăm nghìn đồng): Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn bà Hàng Phụng Mỹ T và đồng bị đơn ông Tạ Văn X và bà Võ Thị Y là đồng bị đơn ông X, bà Y chịu 5.150.000 đồng, còn nguyên đơn bà T chịu 5.150.000 đồng, nhưng bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 4.062.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0004564 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành ngày 03 tháng 7 năm 2017. Như vậy bà T còn phải nộp thêm số tiền là 1.087.500 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Hồng Hải